

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

Số: *Q29*/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Bình, ngày 04. tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách xã quý IV năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Thu - Chi ngân sách xã quý IV năm 2020 của UBND xã An Bình

(bao gồm các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - Tài chính xã căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP UBND xã.



Nguyễn Đăng Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 024./QĐ-UBND ngày 04. tháng 01. năm 2021 của UBND xã An Bình)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý IV	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	14.607.413,227	14.600.712,750	99,95
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	563.879	563.879	100,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.617.697,280	4.610.996,803	99,85
3	Thu bổ sung	8.984.179	8.984.179	100,00
	- Bổ sung cân đối	4.604.600	4.604.600	100,00
	- Bổ sung cân đối có gắn mã CTMT			
	- Bổ sung có mục tiêu	4.379.579	4.379.579	100,00
4	Thu chuyển nguồn	124.942,526	124.942,526	100,00
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	316.715,517	316.715,517	100,00
II	Tổng số chi	14.600.712,750	10.046.399,215	68,81
1	Chi đầu tư phát triển	9.095.089,589	4.892.889,589	53,80
2	Chi thường xuyên	5.232.696,426	5.153.509,626	98,49
3	Chi dự phòng	272.926,735	-	-

An Bình, ngày 04. tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thúy

Nguyễn Thị Thúy



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

Biểu số 114/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 889./QĐ-UBND ngày 04. tháng 04. năm 2021 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	14.607.413,227	14.607.413,227	14.600.712,750	14.600.712,750	99,954	99,954
I	Các khoản thu 100%	563.878,904	563.878,904	563.878,904	563.878,904	100,0	100,0
	Phí, lệ phí	52.383,0	52.383,0	52.383,0	52.383,0	100,0	100,0
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	63.503,0	63.503,0	63.503,0	63.503,0	100,0	100,0
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để XD các công trình	377.620,0	377.620,0	377.620,0	377.620,0	100,0	100,0
	Thu khác	70.372,904	70.372,904	70.372,904	70.372,904	100,0	100,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	4.617.697,280	4.617.697,280	4.610.996,803	4.610.996,803	99,855	99,855
1	Các khoản thu phân chia	171.592,758	171.592,758	171.592,758	171.592,758	100,0	100,0
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.285,679	17.285,679	17.285,679	17.285,679	100,0	100,0
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.600,0	11.600,0	11.600,0	11.600,0	100,0	100,0
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	142.707,079	142.707,079	142.707,079	142.707,079	100,0	100,0
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.446.104,522	4.446.104,522	4.439.404,045	4.439.404,045	99,849	99,849
	Thu tiền sử dụng đất	4.302.104,522	4.302.104,522	4.302.104,522	4.302.104,522	100,0	100,0
	Thuế giá trị gia tăng	96.000,000	96.000,000	91.292,787	91.292,787	95,097	95,097
	Thuế thu nhập cá nhân	48.000,000	48.000,000	46.006,736	46.006,736	95,847	95,847
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn	124.942,526	124.942,526	124.942,526	124.942,526	100,0	100,0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	316.715,517	316.715,517	316.715,517	316.715,517	100,0	100,0
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.984.179,0	8.984.179,0	8.984.179,0	8.984.179,0	100,0	100,0
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.604.600,0	4.604.600,0	4.604.600,0	4.604.600,0	100,0	100,0
	Thu bổ sung cân đối ngân sách có gắn mã CTMT						
	Thu bổ sung có mục tiêu	4.379.579,0	4.379.579,0	4.379.579,0	4.379.579,0	100,0	100,0

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thúy

Nguyễn Thị Thúy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Xuân

Nguyễn Đăng Xuân

An Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH

Biểu số 115/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 02a.../QĐ-UBND ngày 04. tháng 04. năm 2021 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐIỂM	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐIỂM	THƯỜNG XUYẾN	TỔNG SỐ	ĐIỂM	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	14.600.712,750	9.156.440,039	5.444.272,711	10.046.399,215	4.892.889,589	5.153.509,626	68,81	53,44	94,66
	Trong đó:	-			-					
1	Chi Giáo dục	2.873.623,567	2.859.866,567	13.757,000	2.373.623,567	2.359.866,567	13.757,000	82,60	82,52	100,00
2	Chi CT DQTV, TT ATXH	556.782,439		556.782,439	556.782,439		556.782,439	100,00		100,00
3	Chi y tế	2.000.000,000	2.000.000,000		-					
4	Chi văn hoá, thông tin	25.700,000		25.700,000	25.700,000		25.700,000	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền hình	60.443,500		60.443,500	60.443,500		60.443,500	100,00		100,00
6	Chi thể dục thể thao	413.882,720	397.842,720	16.040,000	413.882,720	397.842,720	16.040,000	100,00	100,00	100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	25.600,000		25.600,000	25.600,000		25.600,000	100,00		100,00
8	Chi XD đời sống VH thôn, KDC	43.000,000		43.000,000	43.000,000		43.000,000	100,00		100,00
9	Chi các hoạt động kinh tế	3.323.141,902	3.287.380,302	35.761,600	1.770.941,902	1.735.180,302	35.761,600	53,29	52,78	100,00
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý									
11	Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.430.560,887	400.000,000	4.030.560,887	4.355.374,087	400.000,000	3.955.374,087	98,30	100,00	98,13
11	Chi công tác xã hội	571.051,000	150.000,000	421.051,000	417.051,000		417.051,000	73,03	-	99,05
12	Chi khác	4.000,000		4.000,000	4.000,000		4.000,000			100,00
13	Dự phòng ngân sách	272.926,735	61.350,450	211.576,285				-	-	-

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thúy

Nguyễn Thị Thúy

An Bình ngày 04 tháng 01 năm 2021

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân